

Số: /BC-STC

Khánh Hòa, ngày tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tại Khánh Hòa tháng 10 năm 2023

A. Tình hình thị trường:

I. Tình hình chung:

Theo số liệu Cục Thống kê tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tháng 10/2023 tăng 0,12% so với tháng 9/2023.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 5 nhóm hàng có chỉ số giá tăng từ 0,02-6,32%: Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,28%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,10%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%; Giáo Dục tăng 6,32%; Văn hóa, giải trí và dịch vụ du lịch tăng 0,08%. Ở chiều ngược lại có 04 nhóm có chỉ số giảm từ 0,08-2,24%: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,11%; May mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,09%; Giao thông giảm 2,24%; Hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,08%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định.

	Mặt hàng	Tháng 10/2023 so với tháng 9/2023 (%)
	Chỉ số giá tiêu dùng	100,12
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99,89
	Trong đó: 1- Lương thực	100,17
	2- Thực phẩm	99,78
	3- Ăn uống ngoài gia đình	100,00
II	Đồ uống và thuốc lá	100,00
III	May mặc, mũ nón, giày dép	99,91
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100,28
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,10
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,02
VII	Giao thông	97,76
VIII	Bưu chính viễn thông	100,00
IX	Giáo dục	106,32
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	100,08
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	99,92
*	Chỉ số giá vàng	101,61
*	Chỉ số giá đô la Mỹ	101,40

II. Diễn biến cụ thể:

1. Lương thực, thực phẩm:

a) Lương thực:

Giá bán lẻ các mặt hàng lương thực tháng 10/2023 tiếp tục tăng so với tháng 9/2023, tăng mặt hàng gạo tẻ thường, bình quân tăng (+125đồng/kg), tăng mặt hàng gạo tẻ ngon, bình quân tăng (+214đồng/kg). Giá gạo các loại tiếp tục có xu hướng tăng do lượng gạo về ít, hiện nay vụ lúa Hè Thu đã thu hoạch xong, trong khi lúa Thu Đông chưa rõ khiến nguồn cung gạo trắng thông dụng không còn nhiều. Trong khi đó, nhu cầu với mặt hàng này vẫn cao, giao dịch gạo tại các chợ sôi động. Giá bán lẻ được thu thập trực tiếp tại các chợ, cửa hàng gạo trên địa bàn tỉnh như: gạo tẻ thường địa phương khoảng 13.500-15.700 đồng/kg, gạo Jasmin 15.500-17.000 đồng/kg, gạo thơm Thái dẻo 19.000 đồng/kg, gạo Tròn 16.000 đồng/kg, gạo dẻo Tu Bông 17.000 đồng/kg, gạo Phước Thành 16.000 đồng/kg, gạo Lộc Phương 19.000-20.000 đồng/kg, hái dẻo 19.000 đồng/kg. Các loại gạo miền Nam như: gạo Gò Công 26.000 đồng/kg, gạo Tài Nguyên thơm 20.000 đồng/kg, gạo Ròng Vàng 22.000 đồng/kg, gạo Thái Lan 21.000 đồng/kg, gạo Đài Loan 19.000 đồng/kg, gạo Tứ Quý 26.000 đồng/kg, gạo Nhật 22.000 đồng/kg, gạo Sóc Thái 18.000 đồng/kg, ST25 26.000 đồng/kg, gạo nếp Sáp Tiền Giang 19.000-20.000 đồng/kg, nếp Than-Long An 35.000 đồng/kg, nếp Cẩm 35.000 đồng/kg, nếp Nhung 26.000 đồng/kg...

b) Thực phẩm:

- Mặt hàng thịt tươi sống: Giá thịt lợn hơi trong tháng 10/2023 tiếp tục dao động giảm so với tháng 9/2023, giảm (-1.000đồng/kg), giá bình quân dao động từ 57.000-59.000 đồng/kg. Giá thịt lợn giảm xuống chủ yếu là do nhu cầu giảm, kinh tế khó khăn, thu nhập của người lao động chưa phục hồi sau dịch COVID-19, tiêu thụ thực phẩm giảm sút, trong khi đó bệnh dịch tả heo châu Phi có bùng phát nhưng không nhiều, song thông tin này tác động đến tâm lý người chăn nuôi khiến người dân bán chạy dịch. Giá thịt lợn hơi giảm nên giá lợn thịt và các sản phẩm được sản xuất từ thịt lợn cũng giảm như: thịt lợn nạc thăn giảm (-286đồng/kg), thịt đùi giảm (-833đồng/kg), thịt ba chỉ giảm (-643đồng/kg), chả lụa giảm (-357đồng/kg), giá từ 140.000-170.000 đồng/kg, giá một số mặt hàng thịt lợn cụ thể: thịt lợn nạc thăn giá từ 120.000-130.000 đồng/kg, thịt ba chỉ giá từ 112.000-140.000 đồng/kg, thịt đùi giá từ 110.000-120.000 đồng/kg... bên cạnh mặt hàng thịt lợn có giá giảm, mặt hàng thịt bò có giá giảm so với tháng trước như: thịt bò thăn giảm (-813đồng/kg), thịt bò bắp giảm (-1.571đồng/kg); giá mặt hàng thủy hải sản tươi sống có giá tăng so với tháng trước do do thời tiết không thuận lợi cho việc đánh bắt thủy hải sản dẫn đến một số loại tăng hơn so với tháng trước. Giá một số mặt hàng thủy hải sản: tôm nuôi nước ngọt loại 40-45 con/kg có giá tăng (+833đồng/kg), giá từ 165.000-200.000 đồng/kg, cá lóc tăng (+462đồng/kg) có giá từ 70.000-90.000 đồng/kg, cá chép có giá tăng (+833đồng/kg) có giá từ 75.000-95.000 đồng/kg...

- Mặt hàng gà: Nhóm thịt gia cầm cũng có giá giảm so với tháng trước, giảm từ 0,53-1,07%, gà ta có giá giảm, giảm (-1.125đồng/kg), giá thịt gà mái ta còn sống loại 1,5kg trở lên dao động từ 90.000-110.000 đồng/kg, gà công nghiệp có giá giảm, giảm (-725đồng/kg) có giá dao động từ 62.000-70.000 đồng/kg...

- Mặt hàng rau củ như bắp cải, bí xanh, cà chua, cải xanh... có giá giảm, giảm từ 0,69-4,23% so với tháng trước do vào mùa mưa nhu cầu giảm, cụ thể: rau cải xanh giảm (-786đồng/kg), cà chua giảm (-143đồng/kg), bắp cải trắng giảm (-667đồng/kg), bí xanh giảm (-428đồng/kg), giá bán cải xanh từ 17.000-20.000đồng/kg, cà chua từ 20.000-23.000đồng/kg, bí xanh từ 15.000-18.000 đồng/kg...

- Giá một số mặt hàng thực phẩm công nghệ có giá giảm từ 0,20-5,50% so tháng trước, cụ thể: dầu ăn Simply giảm (-680đồng/chai 1 lít), đường tinh luyện Biên Hòa có giá giảm (-1.700đồng/kg), sản phẩm dinh dưỡng Dielac Alpha step 1 hộp thiếc 400g có giá giảm (-300đồng/hộp). Giá bán lẻ một số mặt hàng hiện nay như sau: dầu ăn Simply giá 55.000-60.000 đồng/chai, đường tinh luyện Biên Hòa từ 26.000-32.000 đồng/kg, sản phẩm dinh dưỡng Dielac Alpha step 1 hộp thiếc 400g giá bán từ 135.000-160.000 đồng/hộp, Enfagrow hộp thiếc 900g giá 435.000 đồng/hộp.

2. Vật tư nông nghiệp:

- Giá bán lẻ các loại giống như: lúa, ngô, cải xanh, cải bẹ Mào gà có giá ổn định so tháng trước;

- Các loại Vac-xin gia súc, gia cầm, thuốc thú y ... có giá ổn định so tháng trước;

- Giá bán lẻ các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón như: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, diệt cỏ, phân NPK có giá ổn định so với tháng trước, riêng phân đạm Urê có giá tăng 15,6% so với tháng trước, tăng (+1.600đồng/kg), hiện giá bán lẻ 11.800 đồng/kg.

3. Đồ uống:

Nhóm hàng đồ uống không có nhiều biến động so tháng trước, cụ thể: mặt hàng nước khoáng Lavie, rượu vang nội có giá ổn định, nước giải khát có ga có giá tăng nhẹ, tăng (+84đồng/thùng), bia lon giảm (-375đồng/thùng). Hiện nay, nước khoáng Lavie 5.000-6.000 đồng/chai 500ml, rượu vang đỏ Đà Lạt 90.000-140.000 đồng/chai 750ml, nước giải khát Coca-Cola 195.000-205.000 đồng/thùng 24 lon, bia Sài Gòn xanh 235.000-270.000 đồng/thùng 24 lon, bia tiger 360.000-380.000 đồng/thùng 24 lon,....

4. Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt:

a) Vật liệu xây dựng:

Giá các mặt hàng vật liệu xây dựng trong tháng 10/2023 so với tháng 9/2023: xi măng, gạch xây, cát vàng có giá ổn định; thép xây dựng, cát xây. ống nhựa có giá giảm. Hiện nay, giá xi măng Sông Gianh bao PCB30 bao 50kg có giá bán 97.527 đồng/bao, mặt hàng thép cuộn phi 6 liên doanh Việt Nhật có giá giảm

(-250 đồng/kg), giá bán từ 15.500-21.000 đồng/kg, cát xây có giá giảm (-715đồng/m³) giá bán từ 270.000-320.000 đồng/m³, cát vàng (cát tô) có giá ổn định, giá bán từ 280.000-360.000 đồng/m³, gạch xây BT 02 lỗ hình chữ nhật 90x90x190 giá ổn định so tháng trước là 1.600 đồng/viên, gạch xây BT đặc 90x90x190 giá ổn định 1.900 đồng/viên, ống nhựa phi 90 x 2,9mm giá giảm (-300đồng/mét) giá bán từ 50.000-65.000 đồng/mét.

b) Khí hóa lỏng (gas đun):

Giá gas tháng 10/2023 có giá tăng so với tháng 9/2023, tăng (+1.672đồng/kg), giá bán lẻ gas Petrô bình 12kg là 429.000 đồng/bình.

c) Nước sinh hoạt:

Tháng 10/2023, giá nước sinh hoạt thực hiện theo Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa, cụ thể đối với Hộ dân cư: Giá nước sinh hoạt 1 (từ 01 m³ - 10 m³/đồng hồ/tháng) là 5.250 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 2 (từ trên 10 m³ - 20 m³/đồng hồ/tháng) là 7.298 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 3 (từ trên 20 m³ - 30 m³/đồng hồ/tháng) là 8.295 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 4 (trên 30 m³/đồng hồ/tháng) là 10.815 đồng/m³ (giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%).

5. Thuốc chữa bệnh cho người:

Giá thuốc chữa bệnh cho người tháng 10/2023 theo Quyết định số 1599/QĐ-SYT ngày 08/10/2021 của Sở Y tế Khánh Hòa “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong ngành y tế”; Quyết định số 1600/QĐ-SYT ngày 08/10/2021 của Sở Y tế “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong ngành y tế”; Quyết định số 1601/QĐ-SYT ngày 08/10/2021 của Sở Y tế “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Vị thuốc cổ truyền thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong ngành y tế”, giá một số mặt hàng thuốc chữa bệnh cho người như sau:

Thuốc tim mạch Atorvastatin 10mg, Việt Nam, Chai 1000 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa giá 123 đồng/viên; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng Moxilen 500mg, Cyprus, Hộp 10 vỉ*10 viên, Uống, Medochemie Ltd-Factory B giá 2.190 đồng/viên; thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm Cinnarizin 25mg, Việt Nam, Hộp 04 vỉ*50 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa giá 47 đồng/viên; thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương hoạt chất Paracetamol 500mg, thuốc Panactol, Việt Nam, Hộp 04 vỉ*04 viên, Uống, Công ty CPDP Cửu Long giá 535 đồng/viên; thuốc tác dụng trên đường hô hấp Acetylcystein, Việt Nam, Hộp 100 gói uống 1g, Uống, Công ty CPDP Cửu Long giá 355 đồng/viên; thuốc vitamin và khoáng chất Vitamin B6, thuốc AGIDOXIN, Việt Nam. Hộp 10 vỉ*10 viên, Uống, Công ty Agimexpharm giá 350 đồng/viên; thuốc đường tiêu hóa Domperidon 10mg, Việt Nam, Chai 200 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa giá 54 đồng/viên;

thuốc học môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết Métforilex MR, Việt Nam, H/6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, Uống, Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Codupha giá 1.200 đồng/viên.

6. Dịch vụ y tế:

Giá dịch vụ y tế do Sở Y tế cung cấp không đổi so tháng trước, cụ thể:

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước: Khám bệnh tại bệnh viện hạng 1 là 39.000 đồng/lượt ; dịch vụ ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1 tại bệnh viện hạng 1 là 199.100 đồng/ngày; siêu âm 49.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 47.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 45.900 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 231.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 81.800đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (tại Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm trắng đen 100.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 100.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 60.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 340.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 100.000đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (tại Phòng khám Đa khoa Thiện Trang): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm 180.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 180.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 70.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 350.000 đồng/lượt, hàn composite cổ răng 200.000đ/lượt..

7. Giao thông:

a) Dịch vụ trông giữ xe:

Giá dịch vụ trông giữ xe máy, xe ô tô thực hiện theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo lượt ban ngày tối đa không quá 4.500 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện; tối đa không quá 18.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi (khuyến khích áp dụng mức thu bằng dịch vụ giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là 3.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện và 12.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi).

b) Giá cước vận tải hành khách:

- Tháng 10/2023, các hãng xe vận tải hành khách tuyên bố định hoạt động ổn định và đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 như: hãng xe Phương Nam, Nhà, Huỳnh Gia, Phương Trang, Trà Lan Viên,

Cúc Tùng, Hải Sơn, Khanh Phong, Liên Hưng, Phúc An.... giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô giường nằm, máy lạnh tuyến Khánh Hòa đi thành phố Hồ Chí Minh có giá dao động từ 200.000-450.000 đồng/vé. Để thực hiện tốt quy trình đảm bảo ATGT, Sở Giao thông vận tải có công văn số 3261/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 25/10/2023 gửi đến các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách về việc xây dựng và thực hiện quy trình đảm bảo QTGT.

- Giá cước xe buýt nội tỉnh, dưới 30km giá 9.000 đồng/vé/lượt; cước taxi xe thường 4 chỗ ngồi có giá 7.000 đồng/0,55km đầu tiên, giá 16.000 đồng/km từ km tiếp theo đến km thứ 30 và giá 10.500 đồng/km từ km thứ 31 trở đi.

c) Xăng dầu:

- Giá xăng, dầu được điều chỉnh 03 lần vào ngày 02/10/2023, ngày 11/10/2023 và ngày 21/10/2023. Công ty Xăng dầu Phú Khánh ban hành 03 Quyết định số 744/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 02/10/2023, Quyết định số 769/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 11/10/2023 và Quyết định số 789/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 23/10/2023. Mức giảm chung của 03 đợt điều chỉnh giá xăng, dầu, cụ thể: xăng không chì Ron 95-III giảm (-2.270đồng/lít), xăng sinh học E5 Ron 92-II giảm (-1.870đồng/lít), dầu diezen 0,001S-V giảm (-920đồng/lít) và dầu diezen 0,05S-II giảm (-1.140đồng/lít), dầu hỏa 2-K giảm (-1.080đồng/lít).

- Hiện giá bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh là: Xăng không chì Ron 95-III giá 23.980 đồng/lít, xăng sinh học E5 Ron 92-II giá 22.800 đồng/lít, dầu diezen 0,001S-V giá 24.010 đồng/lít, dầu diezen 0,05S-II giá 22.920 đồng/lít, dầu hỏa 2-K giá 23.200 đồng/lít (giá bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế BVMT).

8. Dịch vụ giáo dục:

Tháng 10/2023, giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Mức thu học phí học trực tiếp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2022-2023:

+ Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 300.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo thuộc phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang là 100.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi, các đảo thuộc huyện Trường Sa là 50.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học cơ sở khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 300.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang là 100.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi, các đảo thuộc huyện Trường Sa là 50.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học phổ thông (giáo dục thường xuyên) khu vực

thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 300.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang là 200.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi các đảo thuộc huyện Trường Sa là 100.000 đồng/học sinh/tháng.

- Mức thu học phí học trực tuyến (học online) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 bằng 80% mức thu học phí học trực tiếp.

- Đối với giá dịch vụ giáo dục (học phí) đào tạo cao đẳng công lập, đại học công lập về các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí, các cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng công lập, đại học công lập căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ để ban hành Quyết định mức thu học phí hệ chính quy năm học 2022-2023 cụ thể:

+ Dịch vụ giáo dục đào tạo cao đẳng công lập Ngành y dược của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa là 1.300.000 đồng/học sinh/tháng được quy định tại Quyết định số 403/QĐ-CDYT ngày 23/8/2022 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

+ Dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập Ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Khánh Hòa là 320.000 đồng/tín chỉ (tổng 35 tín chỉ) được quy định tại Quyết định số 675/QĐ-ĐHKH ngày 16/8/2022 của Trường Đại học Khánh Hòa.

9. Giải trí và Du lịch:

- Tháng 10/2023, theo Hội Khách sạn Khánh Hòa là mùa du lịch nội địa đã qua, nhưng thị trường khách quốc tế chưa được phục hồi, do đó để kích cầu du lịch, ngành du lịch Khánh Hòa hướng đến việc đa dạng hóa hình thức, sản phẩm du lịch, chú trọng liên kết du lịch với các ngành khác trong chuỗi giá trị, gắn với phát triển xanh, bền vững và phương châm “lấy trải nghiệm khách du lịch làm trung tâm. Đồng thời, tăng cường quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh an toàn cho du khách, chú trọng vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm... phục vụ tối đa nhu cầu của du khách, khai thác đa dạng, hứa hẹn đem lại nhiều trải nghiệm cho khách du lịch.

- Giá dịch vụ lưu trú thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh, Tháng 10/2023, hầu hết các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú có điều chỉnh giảm giá phòng từ 10-15%. Giá phòng khách sạn 3 sao loại hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa, nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, wifi, được ở 2 khách là 400.000-1.000.000 đồng/phòng/ngày đêm; giá phòng nhà khách loại 1 giường, điều hòa, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín, được ở 2 khách là 250.000-350.000 đồng/phòng/ngày đêm.

10. Vàng, đô la Mỹ:

a) Vàng:

Tháng 10/2023, giá vàng (nhẫn 99,99%) bình quân trên thị trường tăng so với tháng 9/2023, tăng (+0,50%). Giá vàng trong nước thường biến động theo xu hướng của giá vàng thế giới. Thị trường Khánh Hòa giá vàng bán ra dao động mức 5.645.000-5.940.000 đồng/chỉ, giá vàng bán ra có xu hướng tăng mạnh 02 tuần cuối của tháng kể từ ngày 16/10/2023 với mức giá bán ra dao động từ 5.780.000-5.940.000 đồng/chỉ. Mức giá bán ra bình quân tháng 10/2023 của vàng nhẫn 99,99% tăng 29.000 đồng/chỉ so với tháng trước.

b) Đô la Mỹ:

Giá USD bình quân tại thị trường Khánh Hòa tháng 10/2023 tăng so với tháng 9/2023, tăng bình quân (+1,04%), tỷ giá bán ra đồng Đô la Mỹ tại ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Khánh Hòa trong tháng dao động từ 24.490-24.760 đồng/USD, tỷ giá bán ra tăng mạnh 02 tuần cuối tháng kể từ ngày 16/10/2023, có mức giá dao động từ 24.690-24.760 đồng/USD. Tỷ giá bán ra đô la Mỹ bình quân tháng 9/2023 tăng 254 đồng/USD so với tháng trước.

B. Công tác chỉ đạo quản lý giá tháng 10 năm 2023:

1. Hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

2. Tham gia ý kiến gửi các cơ quan, đơn vị tổng hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc thẩm định hồ sơ Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng thị xã Ninh Hòa năm 2023; Quyết định phê duyệt đơn giá hỗ trợ khoán bảo vệ rừng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo Quy chế hoạt động của Tổ công tác liên ngành thảo luận, xây dựng và thương thảo Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt với Nhà đầu tư dự án Nhà máy điện rác Khánh Hòa; Sở Du lịch về việc ý kiến một số nội dung Kết luận thanh tra; Tổ Công tác liên ngành về Quy chế hoạt động của Tổ công tác liên ngành và Kế hoạch thực hiện thảo luận, xây dựng và thương thảo Hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt với Nhà đầu tư dự án Nhà máy điện rác Khánh Hòa và Nội dung rà soát khung pháp lý trước khi phối hợp với đơn vị tư vấn luật rà soát hoàn thiện Hợp đồng để báo cáo Tổ công tác liên ngành;

3. Thực hiện Thông báo số 81/TB-VPCP ngày 24/3/2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp ngày 14/3/2022 về điều hành giá một số mặt hàng quan trọng, thiết yếu. Sở Tài chính đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Sở công khai thông tin về giá kê khai mặt hàng Gas của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng Gas trên địa bàn thành phố Nha Trang do Sở Tài chính tiếp nhận tháng 10/2023;

4. Tổ chức theo dõi, khảo sát, tổng hợp báo cáo giá thị trường các mặt hàng theo danh mục quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường; báo cáo giá các mặt hàng

theo danh mục trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo Công văn số 2527/BTC-QLG ngày 06/3/2019 của Bộ Tài chính về việc triển khai nhập liệu báo cáo giá cả thị trường vào CSDL quốc gia về giá, kết hợp báo cáo theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC;

5. Tổ chức tiếp nhận, kiểm soát, trả kết quả biểu mẫu kê khai giá đối với các cơ sở kinh doanh các mặt hàng gạo, đường ăn, xi măng, xăng dầu, khí hóa lỏng, thức ăn chăn nuôi, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, dịch vụ cảng biển...; tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá dịch vụ lưu trú của các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn thành phố Nha Trang, biểu mẫu kê khai giá dịch vụ du lịch lữ hành. Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/10/2023 đã thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, duyệt hồ sơ kê khai giá tổng cộng 74 hồ sơ kê khai giá các loại.

Sở Tài chính Khánh Hòa báo cáo./.

(Đính kèm Bảng giá thị trường tháng 10 năm 2023).

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (Cục quản lý giá) (báo cáo) (VBĐT);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Phòng Tài chính các huyện, thị xã, TP (phối hợp);
- Trại giam A2 Đồng Găng Diên Khánh (để biết);
- Công an tỉnh Khánh Hòa (Phòng Hậu cần-để biết);
- Cổng thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLG, N.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phi Vũ